XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG GIAO TIẾP TIẾNG ANHNHƯ NGÔN NGỮ THỨ HAI (ESL): KHUNG GIẢI PHÁP THỰC TIỄN CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

Nguyễn Thành Long
Trường Đại Học Hùng Vương
Email: nguyenthanhlong@hvu.edu.vn

Tóm tắt: *Nghiên cứu đề xuất một khung thực tiễn nhằm xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (English as a Second Language – ESL) cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh tại Trường Đại học Hùng Vương. Sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa trên phân tích tài liệu, nghiên cứu tổng hợp các lý thuyết về năng lực giao tiếp, tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và giáo dục tiếng Anh tại Việt Nam. Kết quả xác định sáu thành tố cốt lõi của môi trường giao tiếp ESL, gồm: quản lý nhà trường, tích hợp chương trình đào tạo, giao tiếp trực tiếp, học tập số, gắn kết nghề nghiệp và đánh giá thường xuyên. Khung đề xuất nhấn mạnh việc triển khai có hệ thống, sử dụng hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy sự tham gia của người học và tích hợp tiếng Anh một cách có ý nghĩa vào quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.*

Từ khóa*: môi trường giao tiếp tiếng Anh; tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai (ESL); sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh; Trường Đại học Hùng Vương.*

BUILDING AN ENGLISH-AS-A-SECOND-LANGUAGE (ESL) COMMUNICATION ENVIRONMENT: A PRACTICAL FRAMEWORK FOR ENGLISH TEACHER EDUCATION STUDENTS AT HUNG VUONG UNIVERSITY

Abstract: *This study proposes a practical framework for developing an English-as-a-Second-Language (ESL) communication environment for English Language Teacher Education students at Hung Vuong University. Using a qualitative document-based approach, the study synthesizes theories of communicative competence, second language acquisition, and English language education in Vietnam. The findings identify six key dimensions: institutional management, curriculum integration, face-to-face communication, digital learning, professional engagement, and continuous assessment. The proposed framework emphasizes systematic implementation, effective resource utilization, inclusive participation, and meaningful integration of English into academic learning and professional practice*

Keywords: *English communication environment; English as a second language (ESL); English Language Teacher Education students; Hung Vuong University.*

Nhận bài: 20/05/2026 Phản biện: 21/06/2026 Duyệt đăng: 24/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tiếng Anh ngày càng giữ vai trò quan trọng trong học tập, nghiên cứu, khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế. Tại Việt Nam, tiếng Anh được định hướng không chỉ là môn học mà còn là công cụ phục vụ học tập và phát triển nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc mở rộng quy mô dạy học chưa đồng nghĩa với việc người học có thể sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp thực tiễn. Nhiều nghiên cứu cho thấy vẫn tồn tại khoảng cách giữa kiến thức ngôn ngữ và năng lực giao tiếp của người học (Le, 2011; Nguyen và cộng sự, 2016; Vu & Burns, 2014).

Một trong những nguyên nhân là hoạt động dạy học còn thiên về truyền đạt kiến thức và chuẩn bị cho các kỳ kiểm tra, trong khi cơ hội sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học còn hạn chế. Khi tiếng Anh chỉ được sử dụng trong giờ học, người học khó hình thành phản xạ, sự tự tin và thói quen giao tiếp. Vì vậy, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên được xem là điều kiện quan trọng để chuyển hóa kiến thức thành năng lực giao tiếp (Le, 2011).

Đối với đào tạo giáo viên tiếng Anh, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết. Theo Vu và Burns (2014), hiệu quả tăng cường sử dụng tiếng Anh phụ thuộc vào năng lực giảng viên, trình độ sinh viên, phương pháp giảng dạy và hệ thống hỗ trợ. Đồng thời, Nguyen và cộng sự (2016) cho rằng phát triển giáo dục tiếng Anh cần được triển khai đồng bộ từ chương trình, đội ngũ, học liệu đến môi trường sử dụng ngôn ngữ. Quan điểm này phù hợp với Quyết định số 1064/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ về Đề án đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai giai đoạn 2026–2035, định hướng đến năm 2045, trong đó xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ sở giáo dục (Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

Là cơ sở đào tạo giáo viên của tỉnh Phú Thọ, Trường Đại học Hùng Vương cần tạo môi trường để sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong học tập và thực hành nghề nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu lý luận, thực tiễn và định hướng chính sách,

bài viết đề xuất khung giải pháp xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh, góp phần nâng cao năng lực giao tiếp và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính dựa trên phân tích tài liệu kết hợp tổng hợp lý thuyết nhằm xây dựng khung giải pháp phát triển môi trường giao tiếp tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh tại Trường Đại học Hùng Vương.

Nguồn tư liệu gồm ba nhóm chính. Thứ nhất là các công trình lý thuyết về năng lực giao tiếp, tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và học tập thông qua tương tác xã hội của Canale và Swain (1980), Krashen (1988) và Vygotsky (1978). Thứ hai là các nghiên cứu về dạy học tiếng Anh và môi trường học tập trong bối cảnh Việt Nam của Le (2011), Vu và Burns (2014), Nguyen và cộng sự (2016), Nguyen (2020), Le (2021) và Vu và cộng sự (2021). Thứ ba là Quyết định số 1064/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, được sử dụng làm căn cứ chính sách cho việc đề xuất giải pháp.

Các tài liệu được phân tích theo các chủ đề: năng lực giao tiếp, môi trường sử dụng tiếng Anh, vai trò của tương tác, ứng dụng công nghệ, đào tạo giáo viên và quản lý giáo dục. Trên cơ sở đối chiếu giữa lý thuyết, nghiên cứu thực tiễn và định hướng chính sách, bài viết tổng hợp thành khung giải pháp phù hợp với điều kiện đào tạo tại Trường Đại học Hùng Vương.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Cơ sở lý thuyết và khái niệm

3.1.1. Môi trường giao tiếp tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai

Trong bối cảnh Việt Nam, tiếng Anh chủ yếu được sử dụng như một ngoại ngữ, song vẫn có thể được tổ chức như một ngôn ngữ thứ hai trong các cộng đồng học tập chuyên biệt, nơi người học thường xuyên sử dụng tiếng Anh để học tập, hợp tác và thực hiện nhiệm vụ. Theo Nguyen (2020), việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai không chỉ phụ thuộc vào số tiết học hay chuẩn đầu ra mà quan trọng hơn là tạo cơ hội sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp. Quan điểm này phù hợp với định hướng của Quyết định số 1064/QĐ-UBND về xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục (Nguyen, 2020; Nguyen và cộng sự, 2016; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

Trong nghiên cứu này, môi trường giao tiếp tiếng Anh được hiểu là hệ thống các điều kiện học thuật, quản lý, xã hội và công nghệ giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh thường xuyên như phương tiện học tập và thực hành nghề nghiệp.

3.1.2. Năng lực giao tiếp

Canale và Swain (1980) cho rằng năng lực giao tiếp bao gồm không chỉ kiến thức ngữ pháp mà còn khả năng sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh, tổ chức diễn đạt mạch lạc và vận dụng chiến lược giao tiếp. Đối với sinh viên Sư phạm Tiếng Anh, năng lực này còn gắn với yêu cầu nghề nghiệp như hướng dẫn, giải thích, đặt câu hỏi, phản hồi và tổ chức hoạt động học tập. Vì vậy, môi trường giao tiếp cần tạo điều kiện để sinh viên sử dụng tiếng Anh trong các vai trò nghề nghiệp khác nhau thay vì chỉ luyện tập ngôn ngữ đơn thuần (Canale & Swain, 1980; Le, 2011; Vu & Burns, 2014).

3.1.3. Đầu vào, tương tác và hỗ trợ

Theo Krashen (1988), người học cần được tiếp cận nguồn ngôn ngữ phù hợp với trình độ nhưng có tính thử thách để thúc đẩy tiếp thu. Tuy nhiên, đầu vào chỉ phát huy hiệu quả khi người học được tham gia tương tác và giải quyết các nhiệm vụ giao tiếp. Vygotsky (1978) nhấn mạnh vai trò của tương tác xã hội và sự hỗ trợ từ giảng viên hoặc bạn học trong quá trình phát triển năng lực. Do đó, các hoạt động như học theo cặp, làm việc nhóm, phản hồi đồng đẳng và luyện giảng có ý nghĩa đặc biệt đối với đào tạo giáo viên (Krashen, 1988; Vygotsky, 1978; Vu và cộng sự, 2021).

3.1.4. Cộng đồng học tập và công nghệ

Một cộng đồng học tập tích cực góp phần tăng động lực, giảm tâm lý e ngại và tạo thêm cơ hội sử dụng tiếng Anh. Đồng thời, công nghệ giúp mở rộng môi trường giao tiếp ngoài lớp học thông qua học liệu số, trao đổi trực tuyến và hợp tác từ xa. Tuy nhiên, công nghệ chỉ phát huy hiệu quả khi được gắn với các nhiệm vụ có mục tiêu, sản phẩm và phản hồi rõ ràng (Le, 2021; Vu và cộng sự, 2021).

3.2. Cơ sở thực tiễn

Nhiều nghiên cứu cho thấy việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam vẫn còn khoảng cách giữa kiến thức ngôn ngữ và năng lực giao tiếp thực tế. Người học ít có cơ hội sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học nên khó hình thành sự tự tin và khả năng phản xạ (Le, 2011). Trong đào tạo đại học, những hạn chế về trình độ người học, năng lực giảng viên, phương pháp giảng dạy và nguồn lực hỗ trợ tiếp tục ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tiếng

Anh (Vu & Burns, 2014).

Bên cạnh đó, Nguyen và cộng sự (2016) cho rằng thành công của các chính sách phát triển tiếng Anh phụ thuộc vào việc cụ thể hóa thành kế hoạch phù hợp với từng cơ sở giáo dục. Quyết định số 1064/QĐ-UBND cũng yêu cầu các trường xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh gắn với đổi mới chương trình, ứng dụng công nghệ và đánh giá thường xuyên (Nguyen và cộng sự, 2016; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

Đối với sinh viên Sư phạm Tiếng Anh, môi trường giao tiếp cần gắn với thực hành nghề nghiệp. Sinh viên phải thường xuyên sử dụng tiếng Anh để hướng dẫn, giải thích, phản hồi và tổ chức hoạt động học tập. Những năng lực này chỉ có thể được hình thành thông qua việc lồng ghép giao tiếp vào chương trình đào tạo và thực tập sư phạm (Canale & Swain, 1980; Vu & Burns, 2014).

3.3. Yêu cầu đối với việc xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Anh

Thứ nhất, môi trường giao tiếp cần được xây dựng một cách hệ thống, có mục tiêu, kế hoạch, nguồn lực và cơ chế đánh giá rõ ràng, thay vì chỉ tổ chức các hoạt động mang tính phong trào (Nguyen và cộng sự, 2016; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

Thứ hai, việc sử dụng tiếng Anh phải được tích hợp vào chương trình đào tạo thông qua các học phần, nhiệm vụ học tập và thực tập nghề nghiệp để tiếng Anh trở thành phương tiện học tập và làm việc, không chỉ là đối tượng học tập (Canale & Swain, 1980; Vu & Burns, 2014).

Thứ ba, môi trường cần bảo đảm mọi sinh viên đều có cơ hội tham gia. Hoạt động nên được thiết kế theo nhiều mức độ, kết hợp làm việc theo cặp hoặc nhóm và coi sai sót là một phần tự nhiên của quá trình học tập nhằm tạo động lực và giảm áp lực cho người học (Krashen, 1988; Vygotsky, 1978).

Cuối cùng, môi trường cần kết hợp giữa giao tiếp trực tiếp và giao tiếp trên nền tảng số. Không gian trực tiếp giúp phát triển kỹ năng tương tác, trong khi môi trường số mở rộng cơ hội học tập, chia sẻ học liệu và hợp tác ngoài lớp học. Hai hình thức cần được tổ chức thống nhất và hướng tới các nhiệm vụ học tập có ý nghĩa (Le, 2021; Nguyen, 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

3.4. Khung giải pháp thực tiễn xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Anh

3.4.1. Nhóm giải pháp 1: Hoàn thiện cơ chế quản lý và định hướng sử dụng tiếng Anh

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch phát triển môi trường giao tiếp tiếng Anh ở cấp khoa hoặc ngành đào tạo với mục tiêu, lộ trình, đơn vị phụ trách và tiêu chí đánh giá cụ thể. Việc phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh cần được tích hợp vào hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo thay vì triển khai dưới dạng phong trào ngắn hạn.

Khoa có thể thành lập nhóm điều phối gồm cán bộ quản lý, giảng viên và đại diện sinh viên để tổ chức hoạt động, theo dõi kết quả và đề xuất điều chỉnh. Đồng thời, việc sử dụng tiếng Anh nên được quy định theo từng không gian và nhiệm vụ như học tập chuyên môn, luyện giảng, câu lạc bộ, hội thảo hoặc truyền thông học thuật thay vì áp dụng cứng nhắc trong mọi hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng của Quyết định số 1064/QĐ-UBND và quan điểm chuyển hóa chính sách thành kế hoạch thực hiện cụ thể (Nguyen và cộng sự, 2016; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

3.4.2. Nhóm giải pháp 2: Gắn hoạt động giao tiếp với chương trình đào tạo

Hoạt động giao tiếp cần được tích hợp vào các học phần chuyên ngành thông qua những nhiệm vụ yêu cầu sinh viên sử dụng tiếng Anh để giải quyết vấn đề hoặc tạo sản phẩm học tập. Các nhiệm vụ nên gắn với bối cảnh nghề nghiệp như thuyết trình, luyện giảng, thảo luận, thiết kế học liệu hoặc xây dựng công cụ đánh giá.

Để tăng tính xác thực, sản phẩm nên được trình bày trước lớp, chia sẻ với sinh viên khác hoặc giáo viên phổ thông thay vì chỉ nộp cho giảng viên. Khoa cũng có thể tổ chức các seminar học thuật bằng tiếng Anh, trong đó sinh viên luân phiên đảm nhiệm vai trò trình bày, điều phối và phản biện. Cách tổ chức này góp phần chuyển tiếng Anh từ đối tượng học tập thành phương tiện học tập và nghề nghiệp (Canale & Swain, 1980; Vu & Burns, 2014).

3.4.3. Nhóm giải pháp 3: Phát triển không gian giao tiếp tiếng Anh trực tiếp

Nhà trường cần tận dụng thư viện, phòng tự học hoặc khu sinh hoạt chung để xây dựng các không gian ưu tiên sử dụng tiếng Anh. Hiệu quả của các không gian này phụ thuộc vào việc tổ chức hoạt động thường xuyên hơn là cơ sở vật chất.

Câu lạc bộ tiếng Anh cần hoạt động theo mô hình cộng đồng học tập với các hoạt động như thảo luận, tranh biện, kể chuyện, trình bày học thuật và luyện giảng. Song song với đó, chương trình bạn đồng hành hoặc nhóm học tập nhỏ có thể được triển khai nhằm tạo cơ hội thực hành, phản hồi và hỗ trợ lẫn nhau trong suốt học kỳ. Những hoạt động này góp phần hình thành thói quen sử

dụng tiếng Anh và phát triển năng lực giao tiếp thông qua tương tác xã hội (Vygotsky, 1978; Vu và cộng sự, 2021).

3.4.4. Nhóm giải pháp 4: Xây dựng môi trường giao tiếp trên nền tảng số

Bên cạnh không gian trực tiếp, nhà trường cần phát triển môi trường giao tiếp trực tuyến trên hệ thống quản lý học tập hoặc các nền tảng số hiện có. Không gian này có thể bao gồm diễn đàn trao đổi, kho học liệu, khu chia sẻ sản phẩm và hồ sơ học tập của sinh viên.

Các nhiệm vụ trực tuyến cần được thiết kế ngắn gọn, có sản phẩm cụ thể và phản hồi giữa người học, chẳng hạn ghi âm, ghi hình, thảo luận tình huống sư phạm hoặc thiết kế học liệu. Đồng thời, sinh viên nên xây dựng hồ sơ năng lực nghề nghiệp bằng tiếng Anh để lưu giữ quá trình phát triển. Công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi tạo điều kiện cho tương tác và hợp tác, phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong giáo dục (Le, 2021; Vygotsky, 1978; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

3.4.5. Nhóm giải pháp 5: Kết nối giao tiếp tiếng Anh với thực hành nghề nghiệp và cộng đồng

Việc xây dựng môi trường giao tiếp cần gắn với thực tập sư phạm và hoạt động phục vụ cộng đồng. Khoa nên tăng cường phối hợp với các trường phổ thông để sinh viên quan sát, luyện tập và nhận phản hồi trong các tình huống dạy học thực tế.

Bên cạnh đó, sinh viên có thể tham gia các dự án sử dụng tiếng Anh như tổ chức ngày hội tiếng Anh, thiết kế học liệu, giới thiệu văn hóa địa phương hoặc hỗ trợ câu lạc bộ tại trường phổ thông. Cựu sinh viên và giáo viên phổ thông cũng nên được huy động tham gia hướng dẫn và phản hồi. Những hoạt động này giúp sinh viên phát triển năng lực giao tiếp gắn với yêu cầu nghề nghiệp và tăng cường mối liên kết giữa nhà trường với cộng đồng (Canale & Swain, 1980; Vu & Burns, 2014; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

3.4.6. Nhóm giải pháp 6: Đổi mới đánh giá và duy trì cải tiến

Việc đánh giá cần tập trung vào chất lượng sử dụng tiếng Anh thay vì chỉ dựa trên số lượng hoạt động. Các tiêu chí có thể bao gồm mức độ tự tin, khả năng duy trì tương tác, tính rõ ràng, sự phù hợp với bối cảnh và hiệu quả giao tiếp sư phạm. Sinh viên nên kết hợp tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và phản hồi của giảng viên thông qua các minh chứng như bài trình bày, video luyện giảng hoặc hồ sơ học tập.

Sau mỗi học kỳ, nhóm điều phối cần tổng hợp kết quả, phân tích phản hồi và điều chỉnh kế hoạch triển khai. Việc cải tiến liên tục giúp môi trường giao tiếp thích ứng với nhu cầu người học và bảo đảm tính bền vững, đồng thời phù hợp với yêu cầu theo dõi, đánh giá của Quyết định số 1064/QĐ-UBND cũng như định hướng đánh giá năng lực giao tiếp trong đào tạo giáo viên (Canale & Swain, 1980; Nguyen và cộng sự, 2016; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

3.5. Kết quả nghiên cứu

Kết quả tổng hợp cho thấy môi trường giao tiếp tiếng Anh dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh có thể được xây dựng thông qua sáu nhóm giải pháp có mối quan hệ bổ trợ lẫn nhau, bao gồm: (1) hoàn thiện cơ chế quản lý và điều phối; (2) tích hợp giao tiếp tiếng Anh vào chương trình đào tạo; (3) phát triển các không gian giao tiếp trực tiếp; (4) xây dựng môi trường học tập trên nền tảng số; (5) gắn hoạt động giao tiếp với thực hành nghề nghiệp và cộng đồng; và (6) đổi mới công tác đánh giá, phản hồi và cải tiến.

Việc triển khai khung giải pháp nên được thực hiện theo ba giai đoạn. Giai đoạn chuẩn bị tập trung khảo sát nhu cầu, đánh giá nguồn lực và xây dựng kế hoạch triển khai. Giai đoạn thí điểm tích hợp các hoạt động giao tiếp vào học phần, câu lạc bộ, môi trường số và các hoạt động thực hành nghề nghiệp. Sau khi đánh giá kết quả, giai đoạn mở rộng sẽ tăng cường liên kết với trường phổ thông, cộng đồng và từng bước đưa các hoạt động vào cơ chế quản lý thường xuyên.

Khung giải pháp được xây dựng dựa trên bốn nguyên tắc: sử dụng tiếng Anh trong các nhiệm vụ có ý nghĩa; bảo đảm cơ hội tham gia cho nhiều trình độ; gắn hoạt động giao tiếp với chương trình đào tạo và thực hành nghề nghiệp; đồng thời duy trì cải tiến dựa trên kết quả đánh giá. Những nguyên tắc này phù hợp với lý thuyết năng lực giao tiếp, học tập xã hội và định hướng phát triển tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục Việt Nam (Canale & Swain, 1980; Vygotsky, 1978; Nguyen và cộng sự, 2016; Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, 2026).

3.6. Thảo luận

Khung giải pháp phù hợp với quan điểm của Canale và Swain (1980) về phát triển năng lực giao tiếp thông qua sử dụng tiếng Anh trong bối cảnh thực tiễn và cụ thể hóa lý thuyết học tập qua tương tác xã hội của Vygotsky (1978). Thay vì chỉ tăng số học phần dạy bằng tiếng Anh, nghiên cứu

đề xuất mở rộng môi trường giao tiếp thông qua các nhiệm vụ học tập, hoạt động nghề nghiệp và môi trường số phù hợp với trình độ người học, góp phần khắc phục những khó khăn đã được chỉ ra trong các nghiên cứu trước (Vu & Burns, 2014). Công nghệ được xem là công cụ hỗ trợ tăng cường tương tác và phản hồi, phù hợp với Le (2021) và Quyết định số 1064/QĐ-UBND. Điểm nổi bật của khung là gắn phát triển năng lực giao tiếp với năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm tiếng Anh. Tuy nhiên, đây mới là đề xuất lý luận và cần được kiểm chứng bằng nghiên cứu thực nghiệm tại Trường Đại học Hùng Vương.

IV. KẾT LUẬN

Xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai cho sinh viên Sư phạm Tiếng Anh là yêu cầu phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục ngoại ngữ và phát triển đội ngũ giáo viên trong giai đoạn mới. Quyết định số 1064/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tạo cơ sở chính sách trực tiếp cho việc mở rộng môi trường sử dụng tiếng Anh, phát triển đội ngũ, đổi mới học liệu, ứng dụng công nghệ và tăng cường hoạt động giao tiếp trong các cơ sở giáo dục.

Trên cơ sở phân tích tài liệu, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp: hoàn thiện cơ chế quản lý và định hướng sử dụng tiếng Anh; gắn hoạt động giao tiếp với chương trình đào tạo; phát triển không gian giao tiếp trực tiếp; xây dựng môi trường giao tiếp trên nền tảng số; kết nối với thực hành nghề nghiệp và cộng đồng; đổi mới đánh giá và cải tiến thường xuyên. Các nhóm giải pháp cần được triển khai đồng bộ vì một hoạt động đơn lẻ khó tạo ra thay đổi bền vững.

Giá trị của môi trường giao tiếp không nằm ở số lượng khẩu hiệu hoặc sự kiện mà ở mức độ sinh viên thực sự sử dụng tiếng Anh để học tập, hợp tác, giải quyết vấn đề và thực hành nghề nghiệp. Khi tiếng Anh trở thành phương tiện của hoạt động có mục đích, sinh viên có nhiều khả năng chuyển kiến thức thành năng lực sử dụng và hình thành sự tự tin nghề nghiệp.

Trường Đại học Hùng Vương có thể bắt đầu bằng khảo sát nhu cầu, đánh giá nguồn lực và lựa chọn một số hoạt động thí điểm trong phạm vi ngành Sư phạm Tiếng Anh. Kết quả thí điểm cần được đánh giá qua tần suất sử dụng ngôn ngữ, mức độ tự tin, năng lực giao tiếp sư phạm và sự tham gia của sinh viên. Dữ liệu này sẽ là cơ sở để điều chỉnh và mở rộng mô hình trong những năm tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Canale, M., & Swain, M. (1980). Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing. Applied Linguistics, 1(1), 1–47.

Krashen, S. D. (1988). Second language acquisition and second language learning. Prentice-Hall International.

Le, C. D. (2021). Using technology-enhanced language learning environments to influence the communicative potential of adult learners of English as a foreign language in Vietnam [Luận án tiến sĩ, Victoria University].

Le, S. T. (2011). Teaching English in Vietnam: Improving the provision in the private sector [Luận án tiến sĩ, Victoria University].

Nguyen, H. T. M., Nguyen, H. T., Nguyen, H. V., & Nguyen, T. T. T. (2016). Local challenges to global needs in English language education in Vietnam: The perspective of language policy and planning. In R. Kirkpatrick (Ed.), English language education policy in Asia (pp. 214–233). Springer.

Nguyen, T. T. H. (2020). The proposed status of English as a second language in Vietnam [Luận văn thạc sĩ, University of Eastern Finland].

Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ. (2026). Quyết định số 1064/QĐ-UBND ban hành Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai và tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2026–2035, định hướng đến năm 2045 trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Thọ".

Vu, M. H. V., Nguyen, D. B. L., & Phan, T. H. (2021). Factors influencing Vietnamese children's attitude towards learning English as a second language. Oxford Journal of Technology, Arts, Sciences and Knowledge, 2(1), 1–26.

Vu, N. T. T., & Burns, A. (2014). English as a medium of instruction: Challenges for Vietnamese tertiary lecturers. The Journal of Asia TEFL, 11(3), 1–31.

Vygotsky, L. S. (1978). Mind in society: The development of higher psychological processes. Harvard University Press.